TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T- do - Hạnh phúc**

Bản án: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11 / 02 / 2022
V/v : "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình- xin ly hôn*"

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám
- *Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Võ Minh Tuấn
  2. Ông Huỳnh Hoàng Nam
- *Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Huỳnh Thị Phượng - Cán bộ Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G*: Không tham gia.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn*" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp Rạch C, xã Bàn Thạch, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn*: Chị Đặng Thị H, sinh năm: 1973, địa chỉ: ấp Rạch C, xã Bàn T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn anh Trần Thanh P như sau: Anh với chị H cưới nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết về luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, thường cự cải qua lại bất đồng quan điểm sống, không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lệ T1, sinh năm 1997 và Trần Thanh T2, sinh năm 1999, hiện đang sống chung với gia đình tại ấp Rạch C, xã Bàn T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, các con nay đã lớn khôn, trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, phiên hợp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Đặng Thị H trình bày: Xác định lời trình bày của anh P là đúng; Vợ chồng không có đăng ký kết hôn; Có 02 con chung tên Trần Lệ T1, sinh năm 1997 và Trần Thanh T2, sinh năm 1999, hiện đang sống tại ấp Rạch C, xã Bàn T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, các con nay đã lớn khôn, trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về tố tụng:

- Chị Đặng Thị H là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp Rạch C, xã Bàn T, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định thấy rằng:

Quan hệ giữa anh Trần Thanh P và chị Đặng Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng do không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 14 như sau:

"*Khoản 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Ca luật này chung sống vối nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Ca luật này*".

Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa anh P và chị H không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Tòa án có căn cứ để xử không công nhận là vợ chồng giữa anh Trần Thanh P đối với chị Đặng Thị H.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lệ T1, sinh năm 1997 và Trần Thanh T2, sinh năm 1999, hiện đang sống chung với gia đình tại ấp Rạch C, xã Bàn T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, các con nay đã lớn khôn, trưởng thành, anh P, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

[4] Về tài sản và nợ: Không có, miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Thanh P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Ca Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Ca Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ca Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo Ca các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng Điều 14 Ca luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận giữa anh Trần Thanh P và chị Đặng Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản và nợ: Miễn xét.

4. Về án phí: Xử buộc anh Trần Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh P đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005741, ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh Trần Thanh P và chị Đặng Thị H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 11 tháng 02 năm 2022.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Ca Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện G;
- Chi cục thi hành án G;
- UBND xã, thị trấn;
- Phòng T- pháp G:
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

LÊ VĂN TÁM